TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN** **TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**13/** 2019/HNGĐ - ST
Ngày: 27/02/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Chử Phương Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Tuyên**

Bà **Nguyễn Bích Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Hà –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn – TP. Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn *tham gia phiên toà:* Ông **Đào Xuân Đạt** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21. 01.2019 và ngày 27.02.2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 595/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị ***Nguyễn Thị Thh***, sinh năm 1978

   Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện S, TP. Hà Nội

2. *Bị đơn:* Anh ***Lê Ngọc H***, sinh năm 1974

   Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện S, TP. Hà Nội

   Có mặt chị Th, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Th trình bày:**

-Về tình cảm: Chị và anh Lê Ngọc H kết hôn ngày 09/02/1998, có tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hà Tây nay là thành phố Hà Nội.

Sau khi cưới vợ chồng chị về sống chung cùng với gia đình anh H khoảng 3 tháng thì vợ chồng ra ở riêng.

Quá trình chung sống vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H đi vào Miền Nam làm ăn trở về thì ghen tuông, nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác, anh H bắt chị phải nhận là ngủ với người hàng xóm, chị không nhận thì anh H đánh chị nên chị bỏ đi làm ăn đến khoảng tháng 6, tháng 7/2016 chị về thì anh H bắt chị phải ở nhà không cho chị đi làm nữa, chị không nghe thì anh H đánh đuổi chị ra khỏi nhà, từ đó chị không dám về nhà nữa. Vợ chồng chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

-Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Lê Thị Tuyết M, sinh ngày 21/10/1998, Lê Ngọc H, sinh ngày 16/11/2001 và Lê Ngọc A, sinh ngày 12/9/2008. Hiện nay các con đang ở với anh H. Cháu M đã trưởng thành chị không đề nghị Tòa án giải quyết, Ly hôn, chị xin được nuôi cháu H và cháu Ngọc A, không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị làm công nhân công ty may thu nhập bình quân từ 5.900.000đ/tháng. Nếu Tòa án giao cho mỗi người nuôi 01 cháu thì chị có nguyện vọng được nuôi cháu Ngọc A, hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau, nếu Tòa án giao cả 02 con cho anh H thì chị tự nguyện cấp dưỡng 500.000đ/tháng cho cháu Ngọc A vì hiện tại cháu H vừa đi làm vừa đi học.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về chỗ ở sau ly hôn: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn là anh Lê Ngọc H:**

Quá trình giải quyết vụ án, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án làm việc.

***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28; Điều147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th được ly hôn anh H.

+ Về con chung: Có 03 con chung, giao cháu Ngọc A và cháu H cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cho chị Th.

+ Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày 15.01.2019 anh H vắng mặt không có lý do, Tòa án hoãn phiên tòa và ấn định mở phiên tòa vào ngày 21.01.2019 anh H vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 21.01.2019 Hội đồng xét xử quyết định tạm dừng phiên tòa để chị Th giao nộp tài liệu chứng cứ, Hội đồng xét xử tiếp tục mở phiên tòa vào ngày 27.02.2019 và đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ cho anh H nhưng anh H vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Th kết hôn cùng anh Lê Ngọc H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày 09/02/1998. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H nghi ngờ chị Th có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng cãi nhau, đôi khi xảy ra xô sát. Năm 2016 mâu thuẫn gay gắt, anh H đuổi đánh chị Th ra khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành. Xét thấy để tồn tại quan hệ hôn nhân thì hai bên đều phải tôn trọng nhau, tin tưởng lẫn nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc. Tuy nhiên bản thân anh H không tin tưởng chị Th, chị Th cũng xác định không còn tình cảm với anh H, anh H biết việc chị Th xin ly hôn nhưng cũng không đến Tòa án làm việc để có ý kiến hàn gắn tình cảm. Như vậy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị Th được ly hôn anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 03 con chung là: Lê Thị Tuyết M, sinh ngày 21/10/1998, Lê Ngọc H, sinh ngày 16/11/2001 và Lê Ngọc

A, sinh ngày 12/9/2008. Lê Thị Tuyết M đã trưởng thành đi làm tự lo được cho bản thân nên Tòa án không giải quyết. Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị Th là chính đáng, tuy nhiên hiện tại các con đều đang được anh H trực tiếp nuôi dưỡng từ năm 2016 đến nay và đều khỏe mạnh phát triển bình thường. Cháu H xác định ở với ai cũng được, cháu Ngọc A có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố. Mặc dù Tòa án không lấy được lời khai của anh H nhưng xét cháu Ngọc A đang học tiểu học nên rất cần sự ổn định để học tập, còn cháu H hiện nay đã đi học nghề nên để không xáo trộn cuộc sống cũng như việc học tập của các con thấy cần giao cháu Ngọc A cho anh Hải tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu H cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các con cũng như phù hợp với quy định của pháp luật, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Anh H không có ý kiến gì, chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 235 Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Lê Ngọc H.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Ngọc A, sinh ngày 12/9/2008 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung Lê Ngọc H, sinh ngày 16/11/2001 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Chị Th, anh H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ, chị Th phải chịu. Chị được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001509 ngày 04/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận
- *VKSND H. Sóc Sơn;*
- *THADS H. Sóc Sơn;*
- *Toà án Hà Nội;*
- *UBND xã T – huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Chử Phương Ngọc